

Bản án số: 42/2018/ HSST
Ngày: 30/11/ 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN KHÁNH, TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Vũ Nhật Trung.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Quang Bường và ông Phạm Đăng Khuyển.

- Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà Đinh Thị Hồng Huệ - Thư ký Toà án nhân dân huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên toà: Ông Phạm Xuân Đình - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2018 tại Nhà văn hóa, xã Khánh Thiện, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 36/2018/TL-HS ngày 29 tháng 10 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên bị cáo: Vũ Văn Q - Sinh năm 1974, tại xã Khánh L, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình; nơi cư trú: Xóm Tiên Y 1, xã Khánh L, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Văn T và bà Vũ Thị M (đều đã chết); có vợ: Chị Lê Thị L và có 02 con, con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh 2014.

Tiền sự: Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 43 ngày 26/5/2015, bị Công an phường Nam Thành, thành phố Ninh Bình xử phạt 1.000.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Bị cáo chưa chấp hành Quyết định.

Tiền án: Không.

Về nhân thân:

- Tại Bản án số 02/2007/HSST ngày 23/01/2007, bị Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định xử phạt 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

- Tại Bản án số 26/2010/HSST ngày 20/9/2010, bị Tòa án nhân dân huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình xử phạt 27 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Về án tích đã được xóa.

Bị cáo đang bị tạm giam trong vụ án khác tại Trại tạm giam Công an tỉnh Ninh Bình theo Quyết định tạm giam số 08/2018/HSST - QĐTG ngày 10/10/2018 của Chánh án Tòa án nhân dân huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình, có mặt.

2. Họ và tên bị cáo: Phạm Văn T - Sinh năm 1985, tại xã Khánh T, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình; nơi cư trú: Xóm 1, xã Khánh T, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn P và bà Nguyễn Thị D; vợ, con: Chưa có.

Tiền án, tiền sự; Không.

Về nhân thân: Tại Quyết định số 05 ngày 30/7/2013, bị UBND huyện Yên Khánh quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở chữa bệnh bắt buộc, thời hạn 24 tháng. Về Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đã được xóa.

Bị cáo đang bị tạm giam trong vụ án khác tại Trại tạm giam Công an tỉnh Ninh Bình theo Quyết định tạm giam số 52/2018/HSST- QĐTG ngày 16/10/2018 của Chánh án Tòa án nhân dân huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình, có mặt.

3. Họ và tên bị cáo: Phạm Văn H - Sinh năm 1990, tại xã Hồi N, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình; nơi cư trú: Xóm 10, xã Hồi N, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn T và bà Đỗ Thị H; có vợ: Chị Vũ Thị T và có 01 con sinh 2017.

Tiền án, tiền sự; Không.

Về nhân thân:

- Tại Bản án số 31/2011/HSST ngày 28/9/2011, bị Tòa án nhân dân huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình xử phạt 30 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”.

- Tại Quyết định số 1904 ngày 10/6/2013, bị UBND huyện Kim Sơn quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở chữa bệnh bắt buộc, thời hạn 24 tháng.

- Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 26 ngày 13/6/2013, bị Công an huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình xử phạt 1.000.000 đồng về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Bị cáo chưa được giao Quyết định.

- Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 22 ngày 01/4/2013, bị Công an huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình xử phạt 1.000.000 đồng về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Bị cáo chưa được giao Quyết định. Về án tích và Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đã được xóa.

Bị cáo đang bị tạm giam trong vụ án khác tại Trại tạm giam Công an tỉnh Ninh Bình theo Quyết định tạm giam số 51/2018/HSST- QĐTG ngày 16/10/2018 của Chánh án Tòa án nhân dân huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình, có mặt.

- **Người bị hại:** Anh Tống Văn C, sinh năm 1966 và chị Đỗ Thị M, sinh năm 1966; đều trú tại: Xóm 12, xã Khánh H, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình.

- **Người đại diện hợp pháp của chị Đỗ Thị M:** Anh Tống Văn C, sinh năm 1966 là người đại diện theo ủy quyền; trú tại: Xóm 12, xã Khánh H, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình, có mặt.

- Người làm chứng:

+ Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1966; trú tại: Xóm 12, xã Khánh H, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình, vắng mặt

+ Anh Phạm Văn T, sinh năm 1963; trú tại: Xóm 10, xã Hội N, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình, vắng mặt

+ Anh Đỗ Văn T, sinh năm 1973; trú tại: Xóm Chợ D, xã Khánh H, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vũ Văn Q và Phạm Văn T đều là đối tượng nghiện ma túy đang điều trị cai nghiện bằng Methadone. Sáng ngày 21/5/2018, Vũ Văn Q mượn được 01 xe mô tô (Q khai không nhớ mượn xe của ai, không nhớ Biển kiểm soát) và điều khiển xe chở T từ huyện Yên Khánh đi theo đường 481B xuống Trung tâm y tế huyện Kim Sơn để uống Methadone. Khoảng 10 giờ cùng ngày, khi đến cánh đồng thuộc xóm 11, xã Khánh H, huyện Yên Khánh, Q phát hiện có chiếc xe mô tô nhãn hiệu Hoda Wave S Biển kiểm soát 35M2 – 9466, số khung 064299, số máy 1607314 của anh Tổng Văn C, sinh năm 1966, trú tại xóm 12, xã Khánh H, huyện Yên Khánh dựng trên mặt cống thủy lợi gần trục đường 481B, không có người trông coi nên nảy sinh ý định trộm cắp xe mô tô này. Q tiếp tục đi khoảng 100 mét thì dừng xe nói T đợi ở đây (Q không nói và T cũng không biết việc Q định trộm cắp xe mô tô). Q cầm chiếc tua vít có sẵn ở giỏ xe và đi bộ quay lại dùng tua vít mở khóa điện xe mô tô 35M2 – 9466 rồi điều khiển xe đến chỗ T đang đứng đợi bảo T đi theo. Lúc này, nhìn thấy Q đi xe mô tô khác đến, T biết Q đã trộm cắp xe mô tô nên điều khiển xe đi theo Q. Trên đường đi, Q nhờ T tiêu thụ xe mô tô vừa trộm cắp được, T đồng ý, dẫn Q đi xuống nhà Phạm Văn H ở xóm 10, xã Hội N, huyện Kim Sơn để bán xe. Đến nơi, T cho số điện thoại di động để Q gọi điện bảo H về nhà. Gặp H, Q nói vừa trộm cắp được xe mô tô nhờ H bán hộ. H đồng ý, điều khiển xe mô tô 35M2 – 9466 đi ra ngoài định tìm chỗ bán xe nhưng thấy xe còn tốt nên không bán mà cất giấu tại quán cắt tóc của mình. H về nhà nói với Q bán xe được 2.000.000 đồng và đưa tiền cho Q. Số tiền bán xe mô tô, Q và T cùng nhau chi tiêu hết.

Sau khi mua được xe, H tháo Biển kiểm soát 35M2 – 9466, lắp Biển kiểm soát 35B1 – 251.76 và thay ống xả khác vào xe để sử dụng; 02 chiếc gương xe H tháo ra bán đồng nát được 10.000 đồng. Ngày 26/6/2018, Cơ quan CSĐT Công an huyện Kim Sơn đã thu giữ xe mô tô này sau đó bàn giao cho Cơ quan CSĐT Công an huyện Yên Khánh giải quyết theo thẩm quyền.

Tại Kết luận định giá tài sản số 49/KLĐG – TS ngày 23/8/2018, Hội đồng định giá tài sản huyện Yên Khánh kết luận: Chiếc xe mô tô Biển kiểm soát 35M2 – 9466, số khung 064299, số máy 1607314 của anh Tổng Văn C trị giá 8.000.000 đồng.

Quá trình điều tra, Vũ Văn Q, Phạm Văn T, Phạm Văn H đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Kết quả điều tra xác định, ngày 10/5/2016 Phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh Ninh Bình đã thu hồi đăng ký và Biển kiểm soát của xe 35B1 – 251.76 để làm thủ tục sang tên di chuyển. Đến nay, Biển kiểm soát 35B1 – 251.76 không cấp lại cho xe nào khác.

Chiếc ống xả, 02 chiếc gương, Biển kiểm soát của xe 35M2 – 9466, chiếc tua vít Q dùng vào việc trộm cắp xe và các điện thoại di động Q, H sử dụng liên lạc với nhau Cơ quan điều tra không thu giữ được. Chiếc xe mô tô Q và T sử dụng đi xuống huyện Kim Sơn, Q khai là xe đi mượn nhưng không nhớ mượn của ai nên không có căn cứ điều tra.

Ngoài lần phạm tội này, Vũ Văn Q, Phạm Văn T, Phạm Văn H còn bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình truy tố về các tội “Trộm cắp tài sản” và “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”; Phạm Văn T, Phạm Văn H còn bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình truy tố về tội “Trộm cắp tài sản”. Các vụ án đang được Tòa án nhân dân huyện Yên Mô và Tòa án nhân dân huyện Kim Sơn thụ lý, giải quyết.

Về xử lý vật chứng: Cơ quan CSĐT Công an huyện Yên Khánh đã trả xe mô tô số khung 064299, số máy 1607314 cho anh Tống Văn C. Vật chứng còn lại là chiếc Biển kiểm soát 35B1 – 251.76 chuyển cho Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Khánh quản lý.

Về trách nhiệm dân sự: Anh Tống Văn C đã nhận lại xe mô tô và không có yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự.

Tại bản cáo trạng số 36/CT-VKSYK ngày 27 tháng 10 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình đã truy tố các bị cáo Vũ Văn Q và Phạm Văn T, Phạm Văn H ra trước Tòa án nhân dân huyện Yên Khánh để xét xử: Bị cáo Vũ Văn Q về tội “ Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Bị cáo Phạm Văn T, Phạm Văn H về tội: “ Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, giữ nguyên quyết định truy tố như nội dung tại bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Vũ Văn Q phạm tội “ Trộm cắp tài sản”. Các bị cáo Phạm Văn T, Phạm Văn H phạm tội: “ Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Vũ Văn Q. Xử phạt bị cáo Vũ Văn Q mức án từ 9 tháng đến 12 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

- Căn cứ khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Phạm Văn T, Phạm Văn H. Xử phạt:

- + Bị cáo Phạm Văn H mức án từ 6 tháng đến 9 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

+ Bị cáo Phạm Văn T mức án từ 6 tháng đến 9 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

- Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc Biển kiểm soát 35B1 – 251.76 đã thu giữ. Buộc các bị cáo phải nộp lại số tiền do đã chiếm hưởng trái pháp luật gồm: Bị cáo H số tiền 10.000 đồng; bị cáo Q và T mỗi bị cáo là 1.000.000 đồng để sung ngân sách Nhà nước.

Anh Tống Văn C là người bị hại và là người đại diện hợp pháp của người bị hại, nhất trí về lời khai của các bị cáo về tài sản đã bị trộm cắp, đến nay gia đình đã nhận lại đầy đủ và anh C không có yêu cầu bồi thường gì đối với các bị cáo.

Các bị cáo không có ý kiến bào chữa, tranh luận gì, đều nhận thấy hành vi phạm tội là đúng nên xin Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng mức án thấp nhất để tạo điều sửa chữa lỗi lầm đối với bản thân.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Các bị cáo đều thống nhất khai nhận: Vào sáng ngày 21/5/2018, Vũ Văn Q mượn được 01 xe mô tô, nhưng không nhớ Biển kiểm soát và mượn của ai, Q điều khiển xe chở T từ huyện Yên Khánh đi theo đường 481B xuống Trung tâm y tế huyện Kim Sơn uống Methadone để cai nghiện ma túy. Khoảng 10 giờ Q và T, khi đến cánh đồng thuộc xóm 11, xã Khánh H, huyện Yên Khánh, lúc này Q phát hiện thấy có chiếc xe mô tô nhãn hiệu Hoda Wave S Biển kiểm soát 35M2 – 9466 của anh Tống Văn C dựng trên mặt cống thủy lợi gần trục đường 481B, Q thấy không có người trông coi nên nảy sinh ý định trộm cắp. Q điều khiển xe đi qua khoảng 100 mét thì Q dừng lại và nói T đợi ở đây. Ngay sau đó Q cầm chiếc tua vít có sẵn ở giỏ xe, một mình đi bộ quay lại dùng chiếc tua vít mở khóa điện của chiếc xe mô tô 35M2 – 9466 của anh C, rồi điều khiển xe đi đến chỗ T đang đứng, Q bảo T đi theo. Lúc này nhìn thấy Q đi xe mô tô khác đến, thì T mới biết là Q đã trộm cắp chiếc xe mô tô này, T điều khiển xe đi theo Q. Trên đường đi, Q nhờ T tiêu thụ xe mô tô vừa trộm cắp được, T đồng ý và dẫn Q đi xuống nhà Phạm Văn H ở xóm 10, xã Hồi N, huyện Kim Sơn để bán xe. Đến nơi, T cho số điện thoại của H để Q gọi điện báo H về nhà. Gặp H, Q nói vừa trộm cắp được xe mô tô nhờ H bán hộ. H đồng ý và điều khiển xe mô tô 35M2 – 9466 đi ra ngoài đường tìm chỗ bán xe, nhưng H thấy xe còn tốt nên không bán mà cất giấu tại quán cắt tóc của mình gần đó, sau đó H quay về nhà nói với Q bán xe được 2.000.000 đồng và đưa tiền cho Q, Q cầm tiền và cùng T đi về, số tiền bán được xe Q và T cùng nhau chi tiêu hết. Sau khi mua được xe H đã tháo Biển kiểm soát 35M2 – 9466 ra và lắp Biển kiểm soát 35B1 – 251.76, rồi thay ống xả khác vào xe để sử dụng; 02 chiếc gương xe H tháo ra bán đồng nát được 10.000 đồng. Đến ngày 26/6/2018, Cơ quan CSĐT Công an huyện Kim Sơn trong quá trình điều tra đã thu giữ xe mô tô này sau đó bàn giao cho Cơ quan CSĐT Công an huyện Yên Khánh để giải quyết theo thẩm quyền.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 49/KLĐG – TS, ngày 23/8/2018 Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận: Chiếc xe mô tô Biển kiểm soát 35M2 – 9466, số khung 064299, số máy 1607314 của anh Tổng Văn C trị giá 8.000.000 đồng.

Nhận thấy lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của người làm chứng, vật chứng đã thu giữ được trong quá trình điều tra và biên bản định giá tài sản cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy đã có đủ căn cứ kết luận hành vi trộm cắp chiếc xe mô tô của anh C có giá trị là 8.000.000 đồng, của bị cáo Vũ Văn Q đã phạm vào tội “ Trộm cắp tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Đối với Phạm Văn H biết rõ chiếc xe Q bán là xe trộm cắp nhưng vẫn mua, còn Phạm Văn T biết được Q đã trộm cắp chiếc xe, sau đó được Q nhờ tìm chỗ để bán xe, T đã đồng ý và dẫn Q xuống gặp H để Q bán xe trộm cắp cho H. Do vậy hành vi H và T đã phạm vào tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự.

Các bị cáo đều là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi trộm cắp và tiêu thụ tài sản sẽ bị xử lý theo pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Đối chiếu với quy định của pháp luật hình sự thấy rằng hành vi, tội danh và điều khoản áp dụng tại bản cáo trạng, lời luận tội, các chứng cứ buộc tội các bị cáo như Kiểm sát viên trình bày tại phiên tòa là có căn cứ. Hành vi trộm cắp tài sản của Q và hành vi tiêu thụ tài sản của H và T là hành vi nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của gia đình anh C, được pháp luật bảo vệ mà còn gây hoang mang, bất bình trong quần chúng nhân dân nói chung và còn gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an tại địa phương. Vì vậy hành vi phạm tội của các bị cáo cần phải xử lý nghiêm trước pháp luật, để giáo dục, cải tạo các bị cáo và răn đe phòng ngừa chung trong xã hội. Đối với tội tiêu thụ tài sản có hai bị cáo tham gia, trong vụ án không có sự thống nhất hay bàn bạc, chuẩn bị từ trước nên tính chất, vai trò khác nhau, do đó về mức hình phạt áp dụng đối với mỗi bị cáo cũng cần phải cá thể hóa cho phù hợp, bị cáo T tham gia với vai trò đồng phạm nên về trách nhiệm hình sự là thấp hơn bị cáo H là phù hợp với tính chất của mỗi bị cáo.

[2] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Riêng bị cáo Q có bố được tặng Huân chương kháng chiến hạng ba nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo là thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[3] Về nhân thân: Các bị cáo Q, H và T đều có nhân thân xấu. Bị cáo Q hiện đang có một tiền sự và có 02 án tích đã được xóa, bị cáo H có 01 án tích và 01 quyết xử lý hành chính đã được xóa, bị cáo T có 01 quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đã được xóa.

[4] Căn cứ quy định của Bộ luật hình sự, cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Hội đồng xét xử thấy hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, do vậy cần phải áp dụng hình phạt tù, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ để răn đe, giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt cho gia đình và xã hội.

Ngoài lần phạm tội và bị đưa ra xét xử hôm nay, các bị cáo Vũ Văn Q, Phạm Văn T, Phạm Văn H còn bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình truy tố về các tội “Trộm cắp tài sản” và “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”; Phạm Văn T, Phạm Văn H còn bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình truy tố về tội “Trộm cắp tài sản”. Các vụ án đã được Tòa án nhân dân huyện Yên Mô và Tòa án nhân dân huyện Kim Sơn xét xử trong tháng 11/2018 do vậy cả hai bản án chưa có hiệu lực pháp luật nên không tổng hợp hình phạt trong bản án này.

[5] Về các biện pháp tư pháp - Trách nhiệm dân sự - Xử lý vật chứng: Quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe mô tô cho anh Tống Văn C, anh C là bị hại và là người đại diện bị hại không có yêu cầu về bồi thường dân sự đối với các bị cáo, do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Về 01chiếc ống xả, 02 chiếc gương, 01 Biển kiểm soát của xe 35M2 – 9466, 01chiếc tua vít Q dùng vào việc trộm cắp xe và các điện thoại di động Q, H sử dụng liên lạc với nhau đã mất, Cơ quan điều tra không thu giữ được. Chiếc xe mô tô Q và T sử dụng đi xuống huyện Kim Sơn, Q khai là xe đi mượn nhưng không nhớ mượn của ai nên không có căn cứ điều tra và xử lý.

- Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Về số tiền bán chiếc xe trộm cắp cho H là 2.000.000 đồng và số tiền H bán gương, biển số xe được 10.000 đồng, đây là khoản tiền chiếm hưởng bất hợp pháp nên buộc H phải nộp lại 10.000 đồng, đối với Q và T đã chi tiêu chung số tiền bán xe nên cần buộc Q và T mỗi bị cáo phải nộp lại theo phần là 1.000.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

Đối với chiếc Biển kiểm soát 35B1 – 251.76, kết quả điều tra xác định, ngày 10/5/2016 Phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh Ninh Bình đã thu hồi đăng ký và Biển kiểm soát của xe 35B1 – 251.76 để làm thủ tục sang tên di chuyển. Đến nay, Biển kiểm soát 35B1 – 251.76 không cấp lại cho xe nào khác. Do vậy biển kiểm soát này không được phép lưu hành nên cần tịch thu tiêu hủy.

- Về án phí: Các bị cáo Vũ Văn Q, Phạm Văn T, Phạm Văn H là người thực hiện hành vi phạm tội, bị kết án phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[6] Hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử là hợp pháp, đúng thẩm quyền, đúng trình tự quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Bị cáo Vũ Văn Q phạm tội “ Trộm cắp tài sản ”. Bị cáo Phạm Văn T, Phạm Văn H phạm tội “ Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Vũ Văn Q.

- Căn cứ khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Phạm Văn T, Phạm Văn H.

+ Xử phạt bị cáo Vũ Văn Q 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

+ Xử phạt bị cáo Phạm Văn H 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

+ Xử phạt bị cáo Phạm Văn T 07 (bảy) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Buộc bị cáo Phạm Văn H phải nộp lại số tiền 10.000 đồng (mười nghìn đồng), các bị cáo Vũ Văn Q, Phạm Văn T mỗi bị cáo phải nộp lại số tiền 1.000.000 đồng (một triệu đồng) để sung quỹ Nhà nước.

- Tịch thu tiêu hủy 01 Biển kiểm soát 35B1 – 251.76 là vật chứng của vụ án mà bị cáo đã sử dụng vào việc phạm tội do không có giá trị sử dụng.

Số vật chứng trên có đặc điểm như mô tả tại biên bản giao nhận vật chứng ngày 06/11/2018 giữa Công an huyện Yên Khánh và Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo Vũ Văn Q, Phạm Văn T, Phạm Văn H, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm các bị cáo, người bị hại có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 30/11/2018).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án Dân sự, người phải thi hành án Dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự./

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện Yên Khánh;
- Cơ quan CSĐT.CA huyện Yên Khánh;
- Cơ quan THAHS huyện Yên Khánh;
- Chi cục THADS huyện Yên Khánh;
- Các bị cáo; Người bị hại.
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Nhật Trung.